| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC-VĨNH LONG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 16 - 01 - 2026.
V/v: Ly hôn giữa ông L và bà P.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC-VĨNH LONG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hồ Thanh Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Tư.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2025/QĐST-DS ngày 22/12/2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Đặng Hoàng L, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện H (nay là xã H), tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- ***Bị đơn***: Bà Trần Kim P, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện H(nay là xã H), tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23 tháng 9 năm 2025 nguyên đơn ông Đặng Hoàng L trình bày: Ông và bà P quen biết và tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn năm 2002. Chung sống với nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ngày càng thấy trầm trọng, nên ông L xin ly hôn với bà Trần Kim P. Trong thời gian chung sống, ông và bà P có với nhau 02 người con chung tên Đặng Thanh N, sinh năm 1995 và Đặng Thị Thu Q, sinh năm 1997, hiện nay các con đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

* Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Bà Trần Kim P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Hoàng L và bà Trần Kim P kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên ông L có đơn yêu cầu xin được ly hôn với bà P, bà P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, bà P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do ông L cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện ông L và bà P có đăng ký kết hôn vào năm 2002. Thời gian chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc ông L và bà P sống ly thân, bà P được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy Bà không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc ông L yêu cầu được ly hôn với bà P là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông L và bà P có với nhau 02 người con chung tên Đặng Thanh N, sinh năm 1995 và Đặng Thị Thu Q, sinh năm/1997, hiện nay các con đều đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không phải xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, vì vậy ông L phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ông Đặng Hoàng L ly hôn bà Trần Kim P.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Đặng Hoàng L nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng*) ông L đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, theo biên lai thu tiền số 0004054 ngày 03/10/2025, ông L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV-Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV-Vĩnh Long;
- UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***(Đã ký)***

**Hồ Thanh Hồng**